TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 241/2019/DS-PT
Ngày: 28/3/2019
Vv: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa

Các thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh
Bà Phạm Thị Thảo

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án số 1134/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1079/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn*:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1954

Địa chỉ: 84/181 T, phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người kháng cáo: Bị đơn bà Võ Thị Ngọc D

Địa chỉ 1: 130/12/5A Lê Đình C, phường T, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ 2: 70/4 Phan Xích L, phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2019, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Ngày 16/03/2011 bà Võ Thị Ngọc D có viết giấy mượn ông số tiền 50.000.000 đồng, trong đó ông cho bà D 10.000.000 đồng là tiền huê hồng bà D bán dùm ông căn hộ còn lại 40.000.000 đồng bà D nợ lại trả sau. Do ông cần tiền để sinh hoạt và cho con

ăn học nên nhiều lần yêu cầu bà D hoàn trả số tiền trên nhưng bà D hẹn mà không trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 16/03/2011 và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về số tiền chi phí giám định chữ viết và chữ ký là 2.100.000 đồng ông đã tạm ứng trước, yêu cầu bà D phải trả lại cho ông.

Bị đơn bà Võ Thị Ngọc D trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, buổi hòa giải: Vợ của ông H và chồng của bà là chị em ruột. Bà khẳng định không có mượn tiền của ông H, không viết giấy nợ và không ký tên trên giấy nợ mà ông H nộp cho Tòa án. Không đồng ý với kết quả giám định của cơ quan công an.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn thừa nhận có nhận của ông H số tiền 50.000.000đ, nhưng là tiền ông H cho vì bà bán dùm ông H căn nhà, bà không mượn tiền của ông H, không viết giấy nhận nợ nên không đồng ý trả.

Tại Bản án sơ thẩm số: 1134/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018, của Toà án nhân dân Quận Bình Tân đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Điều 147, khoản 1 Điều 277, Điều 273 và Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H.

Buộc bà Võ Thị Ngọc D phải trả cho ông Phạm Văn H số tiền 40.000.000 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hủy Giấy nợ ngày 16/03/2011 có chữ ký và chữ viết họ tên Võ Thị Ngọc D.

Về chi phí giám định: Bà D phải nộp 2.100.000 đồng, theo phiếu thu số 749 ngày 30/10/2018, của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng do ông H đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nên cần buộc bà D phải hoàn trả cho ông H số tiền chi phí giám định nêu trên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi xuất chậm trả và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, án phí DSST. Quyền kháng cáo.

Ngày 27/11/2018, bị đơn bà Võ Thị Ngọc D kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 1134/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Toà án Nhân dân

Quận Bình Tân với lý do: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã không xem xét đến các tình tiết khách quan của vụ kiện…Buộc bị đơn trả 40.000.000đ trong khi giấy mượn tiền không phải do bị đơn viết và ký, không xác định thời gian trả tiền cũng như phương thức trả…Việc lập giấy này không theo trình tự logic của một giấy vay mượn tiền. Tòa án sơ thẩm không mời nhân chứng Huỳnh N E để làm chứng việc lập giấy này là khách quan và có thật, trong khi bà D có chữ ký của bà E khác với chữ ký bà E trong giấy mượn tiền. Tờ giấy mượn tiền không xác định ngày trả nhưng nếu như chứng cứ này mà ông H yêu cầu trả thì phải thông báo trước một thời gian hợp lý.

Tại phiên toà phúc thẩm: Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Nguyên đơn ông Phạm Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng đồng ý bớt cho bị đơn bà D 10.000.000đ chỉ yêu cầu trả số tiền nợ còn lại là 30.000.000 đồng và trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ này. Không yêu cầu bà D trả số tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 2.100.000 đồng ông H đã tạm ứng.

Bị đơn – bà Võ Thị Ngọc D không rút yêu cầu kháng cáo. Đồng ý trả số tiền nợ còn lại theo yêu cầu kể trên của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa các bên đương sự đã thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận này là tự nguyện không trái quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án Nhân dân Quận Bình Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của bị đơn – bà Võ Thị Ngọc D là còn trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét kháng cáo của bị đơn – bà D không đồng ý trả 40.000.000đ đồng cho ông H với lý do chính là giấy mượn số tiền này không phải do bà D viết và ký…Tuy nhiên, bị đơn lại không đưa ra được các chứng cứ chứng minh cho sự phản đối này. Trong khi theo kết luận giám định số: 3342/C09B ngày

12/102018, của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ ký và chữ viết trên « giấy nợ » ghi ngày 16/3/2011 đứng tên người mượn Võ Thị Ngọc D, với chính tài liệu so sánh đối chiếu là chữ viết và chữ ký của bị đơn cung cấp để giám định là do chính một người viết ra. Giấy nợ đã được giám định này là chứng cứ nguyên đơn chứng minh bị đơn – bà D nợ số tiền 40.000.000 đồng chưa trả. Bị đơn – bà D lúc thì không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy nợ này, lúc thì cho rằng số tiền 40.000.000đ nguyên đơn đã cho nhưng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc phản đối yêu cầu trả nợ của nguyên đơn.

[3] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn H và bị đơn bà Võ Thị Ngọc D thỏa thuận được với nhau. Ông H chỉ yêu cầu Bà D trả số tiền nợ là 30.000.000 đồng và trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ này. Bà D đồng ý yêu cầu này của ông H.

Xét việc thỏa thuận giữa các bên về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Bị đơn bà Võ Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn H 30.000.000 đồng và trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ này.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông H đã nộp tiền tạm ứng giám định chữ ký và chữ viết là 2.100.000đ, tại phiên tòa phúc thẩm ông H đồng ý tự nguyện chịu không yêu cầu bà D phải hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét và ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] Về án phí :

Bị đơn – bà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.5000.000 đồng tương ứng với 5% số tiền 30.000.000 đồng có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn và phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Ông H không phải chịu án phí.

Từ những căn cứ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – bà Võ Thị Ngọc D, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 1134/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Toà án Nhân dân Quận Bình Tân.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Phạm Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn ông Phạm Văn H và bị đơn bà Võ Thị Ngọc D: Buộc bị đơn bà Võ Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn H số tiền nợ còn lại là : 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng),* trả mỗi tháng 1.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết số tiền nợ này.

Hủy Giấy nợ ngày 16/03/2011 có chữ ký và chữ viết họ tên Võ Thị Ngọc D.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Phạm Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị Ngọc D chưa thanh toán số tiền còn nợ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm : Bà D phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0030556 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bình Tân.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thảo thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7.7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Bình Tân;
- Chi cục THADS Quận Bình Tân;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Thị Hòa